



AR-25-VD-151074-02 / EUVNHC-00358360- Trang : 1 / 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY TNHH NUTRINEST MILK

Số nhà 32 xóm 4 thôn Cựu Lục, xã Phúc Lộc

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : X4GD2508050050-HN

Mã số mẫu : 743-2025-00145170

Tên mẫu :

Thực phẩm bổ sung SỮA YẾN MẠCH TỔ YẾN KHÔNG ĐƯỜNG

Tình trạng mẫu :

Mẫu đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu :

05/08/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 12/08/2025

Thời gian thử nghiệm :

05/08/2025 - 14/08/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW010 VW (a) <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/ ml	N79-R-RD2-TP-15756 (Tham khảo ISO 16266:2006)	Không phát hiện (LOD=1)
2	VW007 VW (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ ml	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=1)
3	VW00H VW (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ ml	ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023	Không phát hiện (LOD=1)
4	VW013 VW (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ ml	ISO 15213-2:2023	Không phát hiện (LOD=1)
5	VW016 VW (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ ml	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=1)
6	VW008 VW (a) <i>Faecal streptococci</i>	cfu/ ml	N79-R-RD2-TP-15757 (Tham khảo TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000))	Không phát hiện (LOD=1)
7	VW006 VW (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ ml	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=1)
8	VW023 VW (a) Tổng số nấm men, nấm mốc	cfu/ ml	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008); TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)	Không phát hiện (LOD=1)
9	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 ml	AOAC 991.43	0.55
10	VWWS6 VW Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 ml	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	8.7
11	VDYL7 VD (a) Chất béo	g/100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3498	4.37
12	VD4P0 VD (a) Đường tổng	g/100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	4.32
13	VD4P0 VD (a) Fructose	g/100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Phát hiện vết(<0.5)
14	VD4P0 VD (a) Glucose	g/100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	4.12
15	VD4P0 VD (a) Lactose	g/100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)

EUROFINS SAC KY HAI DANG COMPANY LIMITED

[1] HCMC laboratory: Lot E2b-3, Street D6, SaiGon High-Tech Park, Tang Nhon Phu Ward, HCMC. [2] Can Tho branch: Road 8, Tra Noc 2 IP, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City.

[3] Northern branch: Unit 7A, Hight-rise Factory/ Block 1, No.2, BH5 Street, VSIP Bac Ninh, Tu Son Ward, Bac Ninh Province.

Web: www.eurofins.vn

Document number: EVN-P-AR-FQ3559

Phone: (84.28) 7107 7879

Version: 12

Email: VN01_ASM_HCMC@eurofinsasia.com

Effective date: 01/08/2025



AR-25-VD-151074-02 / EUVNHC-00358360- Trang : 2 / 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00145170

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VD4P0 VD (a) Maltose	g/100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
17	VD4P0 VD (a) Sucrose	g/100 ml	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
18	VW073 VW (a) Cadimi (Cd)	mg/ l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
19	VD063 VD (a) Ochratoxin A	µg/ l	EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827)	Không phát hiện (LOD=0.5)
20	VD066 VD (a) Zearalenon	µg/ l	EVN-R-RD-1-TP-3452 (Ref. EN 15850:2010)	Không phát hiện (LOD=5)
21	VD069 VD (a) Deoxynivalenol	µg/ l	EVN-R-RD-1-TP-5626 (2019) (Tham khảo EN 15791:2009)	Không phát hiện (LOD=50)
22	VW071 VW (a) Arsen (As)	mg/ l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
23	VW072 VW (a) Chì (Pb)	mg/ l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
24	VW074 VW (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
25	VWHGN VW (a) Aflatoxin B1	µg/ l	N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003); N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. TCVN 7596:2007)	Không phát hiện (LOD=0.5)
26	VWHGN VW (a) Aflatoxin tổng	µg/ l	N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003); N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. TCVN 7596:2007)	Không phát hiện (LOD=0.5)
27	VDSZT VD (a) Chất béo bão hoà	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Tham khảo ISO 12966-2:2017; AOAC 996.06)	0.49
28	VD9D0 VD (a) Protein	g/ 100 ml	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	0.99
29	VWL74 VW Năng lượng (Bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 ml	FAO 2003 77	79
30	VDDK2 VD (a) Vitamin D ₃ (Cholecalciferol)	IU/ 100 ml	EVN-R-RD-1-TP16189 (Tham khảo TCVN 8973:2011)	Không phát hiện (LOD=40)
31	VD4MX VD (a) Vitamin E (Alpha-tocopherol)	mg/ 100 ml	TCVN 8276:2018 (BS EN 12822:2014)	0.40
32	VDZW6 VD (a) Natri (Na)	mg/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	36.2
33	VD6H4 VD (a) Canxi (Ca)	mg/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3507 (Ref. AOAC 968.08)	10.9

EUROFINS SAC KY HAI DANG COMPANY LIMITED

[1] HCMC laboratory: Lot E2b-3, Street D6, SaiGon High-Tech Park, Tang Nhon Phu Ward, HCMC. [2] Can Tho branch: Road 8, Tra Noc 2 IP, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City.

[3] Northern branch: Unit 7A, Hight-rise Factory/ Block 1, No.2, BH5 Street, VSIP Bac Ninh, Tu Son Ward, Bac Ninh Province.

Web: www.eurofins.vn

Document number: EVN-P-AR-FO3559

Phone: (84.28) 7107 7879

Version: 12

Email: VN01_ASM_HCMC@eurofinsasia.com

Effective date: 01/08/2025



AR-25-VD-151074-02 / EUVNHC-00358360- Trang : 3 / 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00145170

Phát hiện vết: kết quả $\geq$ LOD và $<$ LOQ.
LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 11/09/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 11/09/2025.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sacký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-khiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sacký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-25-VD-151074-01/743-2025-00145170, xuất ngày 04/09/2025; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)



EUROFINS SACKÝ HẢI ĐĂNG COMPANY LIMITED

[1] HCMC laboratory: Lot E2b-3, Street D6, SaiGon High-Tech Park, Tang Nhon Phu Ward, HCMC. [2] Can Tho branch: Road 8, Tra Noc 2 IP, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City.

[3] Northern branch: Unit 7A, Hight-rise Factory/ Block 1, No.2, BH5 Street, VSIP Bac Ninh, Tu Son Ward, Bac Ninh Province.

Web: www.eurofins.vn

Document number: EVN-P-AR-FO3559

Phone: (84.28) 7107 7879

Version: 12

Email: VN01_ASM_HCMC@eurofinsasia.com

Effective date: 01/08/2025